| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KIM THÀNH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Quy

2. Ông Ngô Văn Minh

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1990. ĐKHKTT: thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện ở: thôn 5, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Trần Văn Q kết hôn vào ngày 06/9/2013 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống hoà thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh Q mải chơi bời, cờ bạc không chịu làm ăn để kiếm tiền lo cho kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ lẫn nhau. Do mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên đến tháng 9/2016, chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xã B, huyện K sinh sống. Hai bên đã hoàn toàn cắt đứt mối quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế kể từ tháng 09/2016 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H xác định thực sự tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn, chị H xin được ly hôn anh Q để giải phóng cho đôi bên khỏi giàng buộc.

Về con chung: Chị H xác định chị và anh Q có 01 con chung là cháu Trần Lộc P, sinh ngày 09/8/2014, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nay ly hôn quan điểm của chị H là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Trần Văn Q, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Q nhiều lần đến Trụ sở Tòa án để làm việc, song anh Q đều không đến. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Q được. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác đến cho anh Q, gia đình anh Q đã nhận và giao lại cũng như thông báo lại cho anh Q, song anh Q vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2018 ông Trần Văn T ( là bố đẻ của anh Q) cung cấp: Sau khi kết hôn, anh Q và chị H chung sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị H là do hai bên không hợp nhau về tính tình. Chị H đã cho con về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 09/2016, còn anh Q do tính chất công việc làm ăn nên thường xuyên vắng nhà. Tòa án gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập đến cho anh Q, ông nhận thay và đã giao lại cũng như thông báo cho anh Q biết, nhưng vì bận công việc nên anh Q không đến theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Trần Văn Q và xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lộc P, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên toà, đại diện VKS nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, Bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc quyết vụ án: áp dụng khoản 01 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Trần Văn Q; Về con chung: Giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Lộc P, sinh ngày 09/8/2014. Về tài sản chung: Không đặt ra việc giải quyết; Về án phí: Chị H phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Anh Trần Văn Q là Bị đơn trong vụ án, được Tòa án triệu tập hai lần hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q là do hai bên không hợp nhau về tính tình, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, do anh Q chơi bời không chịu làm ăn nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị H và anh Q đã sống ly thân từ tháng 9/2016 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Q nhiều lần đến Tòa án để Tòa án tiến hành hòa giải việc chị H xin ly hôn, nhưng anh Q không đến. Điều đó, chứng tỏ anh Q không có ý thức và mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, đã xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H xin được ly hôn anh Trần Văn Q là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì thấy: Từ khi chị H và anh Q sống ly thân, cháu P do chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và đã đảm bảo được

cuộc sống cho cháu. Hiện nay, chị H có việc làm và chỗ ở ổn định, có thu nhập hàng tháng, nên đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Trần Lộc P, sinh ngày 09/8/2014 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu giải quyết, do vậy không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lộc P, sinh ngày 09/8/2014. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0000844 ngày 28/5/2018 tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện K;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**